

Điều kiện và tiêu chuẩn thẩm tra người nước ngoài làm việc tại khoản 8 đến khoản 11
mục 1 Điều 46 Luật Dịch vụ Việc làm

Chương I: Quy tắc chung

Điều 1

Tiêu chuẩn này được lập theo quy định tại mục 2 Điều 46 và mục 7 Điều 52 Luật Dịch vụ Việc làm (dưới đây gọi tắt là Luật này).

Điều 2

Điều kiện làm việc của người nước ngoài được thuê làm theo quy định tại khoản 8 đến khoản 11 mục 1 Điều 46 Luật này phải phù hợp với quy định của Tiêu chuẩn này.

Điều 3

Nội dung công việc của người nước ngoài được thuê làm theo quy định tại khoản 8 và khoản 9 mục 1 Điều 46 Luật này như sau:

- I. Công việc đánh bắt cá ngoài khơi: Thuyền viên thông thường ngoài thuyền trưởng thuyền cá, phó thuyền trưởng, kỹ sư trưởng, kỹ sư thứ hai, kỹ sư thứ ba, nhân viên viễn thông, người lái thuyền có động lực và trợ lý, nuôi cá bằng lưới hoặc các công việc bằng thể lực có liên quan.
- II. Công việc giúp việc gia đình: Thực hiện các công việc tại nhà riêng như dọn dẹp, nấu ăn, chăm sóc thành viên gia đình hoặc công việc khác có liên quan đến phục vụ việc nhà.
- III. Công việc khán hộ tại Cơ sở: Công việc có liên quan đến chăm sóc đời sống thường nhật của người khuyết tật hoặc bệnh nhân được lưu lại trong Cơ sở hoặc Bệnh viện tại Điều 20.
- IV. Công việc khán hộ tại gia đình: Công việc có liên quan đến chăm sóc đời sống thường nhật của người khuyết tật hoặc bệnh nhân tại gia đình.
- V. Công việc khán hộ bên ngoài: Được Chủ thuê chỉ định đến gia đình tại nơi thực hiện Hợp đồng dịch vụ khán hộ bên ngoài, thực hiện công việc có liên quan đến chăm sóc đời sống thường nhật của người khuyết tật hoặc bệnh nhân.

Điều 4

Nội dung công việc được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương chỉ định theo quy định tại khoản 10 mục 1 Điều 46 Luật này như sau:

- I. Công việc sản xuất: Trực tiếp thực hiện công việc sản xuất sản phẩm hoặc công việc bằng thể lực có liên quan.
- II. Công việc sản xuất bên ngoài: Được Chủ thuê chỉ định đến nơi thực hiện Hợp đồng dịch vụ sản xuất bên ngoài, trực tiếp thực hiện công việc sản xuất sản phẩm hoặc công việc bằng thể lực có liên quan.

- III. Công việc xây dựng: Trực tiếp thực hiện công việc xây dựng hoặc công việc bằng thể lực có liên quan tại địa điểm thi công xây dựng hoặc sân bãi liên quan.
- IV. Công việc giết mổ: Trực tiếp thực hiện công việc giết mổ hoặc công việc bằng thể lực có liên quan.
- V. Công việc nông nghiệp bên ngoài: Được Chủ thuê chỉ định đến nơi thực hiện Hợp đồng dịch vụ nông nghiệp bên ngoài, trực tiếp thực hiện công việc nông, lâm, chăn nuôi thủy sản hoặc công việc bằng thể lực có liên quan.
- VI. Công việc nông, lâm, chăn nuôi thủy sản: Trực tiếp thực hiện công việc nông, lâm, chăn nuôi thủy sản hoặc công việc bằng thể lực có liên quan tại các địa điểm nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi hoặc ao cá trên bờ.
- VII. Các công việc khác được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương chỉ định.

Điều 5

Nội dung công việc được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương hạch định chuyên án theo quy định tại khoản 11 mục 1 Điều 46 Luật này như sau:

- I. Công tác phiên dịch song ngữ: Đảm nhiệm công việc phiên dịch quản lý phụ đạo cho người nước ngoài thực hiện công việc theo quy định tại Tiêu chuẩn này.
- II. Đầu bếp và công việc có liên quan: Đảm nhiệm công việc có liên quan đến nấu ăn cho người nước ngoài thực hiện công việc theo quy định tại Tiêu chuẩn này.
- III. Các công việc khác được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương hạch định chuyên án.

Điều 6

Người nước ngoài được thuê làm thực hiện công việc tại quy định của Tiêu chuẩn này, không được có những trường hợp sau đây:

- I. Trường hợp từng vi phạm quy định tại Điều 43 Luật này.
- II. Trường hợp từng vi phạm một trong các quy định về trốn làm liên tiếp 3 ngày và mất liên lạc tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 đến khoản 7 Điều 73 Luật này.
- III. Trường hợp từng từ chối kiểm tra sức khỏe hoặc cung cấp thông tin kiểm tra sức khỏe không đúng sự thật.
- IV. Trường hợp kết quả kiểm tra sức khỏe không đạt yêu cầu.
- V. Trường hợp được thuê làm thực hiện công việc theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 trong nước Trung Hoa Dân Quốc, thời hạn làm việc tích lũy vượt quá thời hạn được quy định tại mục 4 hoặc mục 6 Điều 52 Luật này. Nhưng trường hợp làm việc theo quy định tại Điều trước, thì không thuộc phạm vi

này.

- VI. Trường hợp công việc chuyên môn không khớp với công việc đăng ký Giấy phép ban đầu.
- VII. Trường hợp không có Giấy chứng nhận hạnh kiểm đạt tiêu chuẩn.
- VIII. Trường hợp chưa đủ 16 tuổi.
- IX. Trường hợp từng được thuê làm thực hiện công việc theo quy định tại Tiêu chuẩn này trong nước Trung Hoa Dân Quốc, và trốn làm liên tiếp 3 ngày và mất liên lạc vào các thời gian sau đây:
 - 1. Người nước ngoài nhập cảnh chưa đầy 3 ngày, chưa được cấp Giấy phép thuê làm.
 - 2. Thời hạn Giấy phép thuê làm còn lại chưa đầy 3 ngày.
 - 3. Thời hạn được Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương sắp xếp chôn dung thân, chuyển Chủ hoặc thời hạn phải xuất cảnh theo Pháp lệnh mà chưa xuất cảnh.
- X. Trường hợp vi phạm điều kiện làm việc khác do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy định.

Điều 7

Người nước ngoài được thuê làm thực hiện công việc giúp việc gia đình theo khoản 2 Điều 3 hoặc công việc khán hộ theo khoản 3 đến khoản 5 Điều 3, độ tuổi phải trên 20 tuổi, và phải phù hợp một trong các điều kiện sau đây:

- I. Trước khi nhập cảnh vào làm việc, phải được huấn luyện đạt tiêu chuẩn tại Bệnh viện kiểm tra sức khỏe nước ngoài đã được Cơ quan Phúc lợi Y tế có thẩm quyền cấp Trung ương cho phép hoặc tại Đơn vị huấn luyện được Bộ phận Lao động trong nước của người lao động đó chỉ định.
- II. Trường hợp thực hiện cùng một công việc trên 6 tháng trong nước Trung Hoa Dân Quốc trong vòng 1 năm gần đây nhất.

Chương II: Công việc đánh bắt cá ngoài khơi

Điều 8

Người nước ngoài được thuê làm thực hiện công việc đánh bắt cá theo khoản 1 Điều 3, Chủ thuê của họ phải đạt một trong các điều sau đây:

- I. Doanh nghiệp thuyền cá có tổng trên 20 tấn, và được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp phát Giấy phép đánh bắt cá.
- II. Doanh nghiệp thuyền cá có tổng dưới 20 tấn, và được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp phát Giấy phép đánh bắt cá.
- III. Được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp phát Giấy phép quyền đánh bắt cá theo khu vực ngư nghiệp nuôi cá bằng lưới, hoặc Giấy chứng nhận nuôi cá bằng lưới do người có quyền đánh bắt cá chuyên dụng

đề xuất.

Điều 9

Việc nhận định tổng số người nước ngoài được thuê làm công việc đánh bắt cá ngoài khơi theo khoản 1 và khoản 2 Điều trước, phải bao gồm số người sau đây, và không được vượt quá số thuyền viên được quy định tại Giấy phép đánh bắt cá của thuyền cá đó:

- I. Số người nước ngoài đăng ký tuyển dụng lần đầu.
- II. Số thuyền viên ra khơi thấp nhất hoặc số người cần được bố trí trên thuyền có động lực.
- III. Số người được đăng ký Giấy phép tuyển dụng, số người được cấp Giấy phép tuyển dụng và số người nước ngoài đã được thuê làm.

Số thuyền viên ra khơi thấp nhất và số người cần được bố trí trên thuyền có động lực nêu tại mục trước, sẽ được nhận định theo các quy định có liên quan tại công bố của Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu và quy tắc quản lý thuyền nhỏ.

Trường hợp số thuyền viên trong nước ra khơi trên cùng một thuyền cá cao hơn số người ra khơi thấp nhất tại mục trước, thì phải liệt kê vào số thuyền viên ra khơi.

Trường hợp người nước ngoài được Chủ thuê tại khoản 3 Điều trước thuê làm thực hiện công việc đánh bắt cá ngoài khơi, căn cứ diện tích nuôi cá được ghi trong Giấy phép quyền đánh bắt cá hoặc Giấy chứng nhận nuôi cá bằng lưới, cứ mỗi 1/2 ha được thuê 1 người nước ngoài. Nhưng không được vượt quá 2/3 số lao động người trong nước được Chủ thuê thuê làm.

Số lao động người trong nước được thuê làm tại mục trước sẽ được nhận định theo bảo hiểm lao động mà Chủ thuê tham gia 1 năm trước của 2 tháng trước tháng đăng ký của cùng một mã số chứng nhận bảo hiểm lao động.

Nhưng trường hợp Chủ thuê không thuộc diện cưỡng chế tham gia bảo hiểm lao động và chưa thành lập Đơn vị mua bảo hiểm theo quy định tại Điều 6 Điều lệ bảo hiểm lao động, thì được Cơ quan có thẩm quyền về ngư nghiệp tại Chính quyền thành phố hoặc huyện (thị) trực thuộc đóng dấu nghiệm chứng nhận định bằng Giấy chứng nhận.

Trường hợp Chủ thuê tại khoản 3 Điều trước hợp tác với người khác thực hiện công việc nuôi cá bằng lưới tại khoản 1 Điều 3, quan hệ hợp tác đó đã được công chứng, và danh sách đối tác được Cơ quan có thẩm quyền về ngư nghiệp của Chính quyền thành phố hoặc huyện (thị) trực thuộc đóng dấu nghiệm chứng, số người đối tác được tính vào số lao động người nước ngoài được thuê tại mục trước.

Chương III: Công việc giúp việc gia đình

Điều 10

Người nước ngoài được thuê thực hiện công việc giúp việc gia đình tại khoản 2 Điều 3, khi Chủ thuê đăng ký tuyển dụng, phải đáp ứng một trong những điều kiện sau đây:

- I. Có trên 3 con ở độ tuổi dưới 6 tuổi.
- II. Có trên 4 con ở độ tuổi dưới 12 tuổi, và trong đó 2 con ở độ tuổi dưới 6 tuổi.
- III. Trường hợp tích lũy số điểm đủ 16 điểm.

Trường hợp nhân viên tại các khoản nêu tại mục trước và khán hộ công gia đình cùng Hộ tịch với Chủ thuê, đã đăng ký hoặc đã tính làm đăng ký giúp việc gia đình, thì sẽ không tính số người hoặc số điểm.

Việc tính số điểm tích lũy tại khoản 3 Điều 1, tính theo Bảng 1 kèm theo dựa trên độ tuổi như con cái dưới 6 tuổi, hàng cha mẹ huyết thống trực hệ hay cha mẹ kế trên 75 tuổi, cha mẹ đẻ hay cha mẹ kế của hôn phối.

Điều 11

Người nước ngoài có thể được Chủ thuê đến Đài Loan đầu tư hoặc công tác sau đây thuê làm công việc giúp việc gia đình tại khoản 2 Điều 3:

- I. Nhân viên nước ngoài cấp Tổng Giám đốc trở lên được Công ty có số vốn nước ngoài trên 100 triệu Đài tệ thuê làm; hoặc nhân viên nước ngoài cấp Chủ quản Bộ phận trở lên được Công ty có số vốn nước ngoài trên 200 triệu Đài tệ thuê làm.
- II. Nhân viên nước ngoài cấp Tổng Giám đốc trở lên được Công ty có doanh thu vào quý năm ngoái trên 500 triệu Đài tệ thuê làm; hoặc nhân viên nước ngoài cấp Chủ quản Bộ phận trở lên được Công ty có doanh thu vào quý năm ngoái trên 1 tỷ Đài tệ thuê làm.
- III. Nhân viên nước ngoài có thu nhập tiền lương trên 3 triệu Đài tệ đã nộp thuế thu nhập tổng hợp tại Đài Loan vào quý năm ngoái; hoặc nhân viên nước ngoài cấp Chủ quản trở lên có thu nhập tiền lương tháng 250 nghìn Đài tệ vào quý năm đó của Công ty, Tập đoàn Tài chính Pháp nhân, Tập đoàn Xã hội Pháp nhân hoặc Tổ chức phi Chính phủ quốc tế.

Nhân viên nước ngoài tại khoản 3 mục trước, có tiền lương hàng năm trên 2 triệu Đài tệ hoặc tiền lương hàng tháng trên 150 nghìn Đài tệ, và thuê cùng một giúp việc người nước ngoài tại nước ngoài trước khi nhập cảnh vào công tác, thì được thuê người nước ngoài đó thực hiện công việc giúp việc gia đình.

Giám đốc của Công ty con tại nước ngoài hoặc người đại diện của Văn phòng đại diện, áp dụng điều kiện đăng ký cho Tổng Giám đốc nước ngoài tại mục 1.

Điều 12

Trường hợp Chủ thuê thuê giúp việc gia đình tại 2 Điều trước, giới hạn 1 hộ thuê 1 người giúp việc.

Chương IV: Công việc sản xuất

Điều 13

Người nước ngoài được thuê làm thực hiện công việc sản xuất tại khoản 1 Điều 4, khi Chủ thuê đăng ký tuyển dụng lần đầu, phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- I. Trường hợp công tác trong môi trường nhiệt độ bất thường, công tác trong môi trường bụi bặm, công tác trong môi trường khí độc, công tác trong môi trường dung môi hữu cơ, xử lý hóa chất, công tác phi tự động hóa và quy trình chế tạo cụ thể khác, và ngành nghề của sản phẩm chủ yếu nhất tại Công xưởng công tác đã được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương hoặc Cơ quan Quản lý Khu cảng Thương mại Tự do nhận định là phù hợp với quy định tại Bảng 2 kèm theo hoặc Bảng 6 kèm theo.
- II. Trường hợp ngành nghề có quy trình thời gian đặc biệt mà số giờ làm việc vận hành sản xuất ít nhất đạt trên 1 giờ trong vòng từ 10 giờ đêm đến 6 giờ sáng ngày hôm sau, đồng thời đã được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương hoặc Cơ quan Quản lý Khu cảng Thương mại Tự do nhận định là phù hợp với quy định tại Bảng 3 kèm theo.

Trường hợp ngành nghề có quy trình thời gian đặc biệt hoặc quy trình sản xuất cụ thể phù hợp với mục trước, nhưng lại không thuộc phạm vi tại Bảng 2 kèm theo, Bảng 3 kèm theo hoặc Bảng 6 kèm theo, thì Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương sẽ họp bàn với Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương để hạch định chuyên án.

Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương, Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương hoặc Cơ quan Quản lý Khu cảng Thương mại Tự do kiểm tra đối chiếu thực tế đối với điều kiện được quy định tại 2 mục trước.

Kể từ ngày Tiêu chuẩn này có hiệu lực sửa đổi ngày 07 tháng 03 năm 2009, người nước ngoài không được thuê làm ngành nghề được quy định tại khoản 2 mục 1. Nhưng có một trong các trường hợp sau đây, thì không thuộc phạm vi này:

- I. Trường hợp nhận định theo đăng ký tại khoản 2 mục 1 trước ngày 07 tháng 03 năm 2009, và được nhận định phù hợp quy định.
- II. Trường hợp được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương họp bàn với Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương hay Cơ quan Quản lý Khu cảng Thương mại Tự do để hạch định chuyên án.

Điều 14

(Xóa bỏ)

Điều 14-1

Trường hợp người nước ngoài được Chủ thuê tại Điều 13 thuê làm công việc sản xuất, trước khi Tiêu chuẩn này có hiệu lực sửa đổi ngày 01 tháng 10 năm 2010, Chủ thuê đã đăng ký nhận định quy trình sản xuất cụ thể với Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương hay Cơ quan Quản lý Khu cảng Thương mại Tự do, số người đăng ký tuyển dụng lần đầu sẽ căn cứ theo số người thực hiện sản xuất theo quy trình sản xuất cụ thể hoặc quy trình thời gian đặc biệt được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương hay Cơ quan Quản lý Khu cảng Thương mại Tự do dự tính và khuyến nghị, cứ 5 người thì được đăng ký thuê 2 người nước ngoài.

Tổng số người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm tại mục trước, không được vượt quá tỷ lệ sau đây:

- I. Số người thuộc diện đăng ký ngành sản xuất của khu cảng thương mại tự do, tổng số không được vượt quá 40% bình quân số nhân viên được Chủ thuê thuê làm 1 năm trước của 2 tháng trước tháng đăng ký cộng với số người thực hiện sản xuất được Cơ quan Quản lý Khu cảng Thương mại Tự do dự tính và khuyến nghị.
- II. Số người thuộc diện đăng ký ngành cấp A tại Bảng 2 kèm theo hoặc Bảng 3 kèm theo, tổng số không được vượt quá 20% bình quân số nhân viên được Chủ thuê thuê làm 1 năm trước của 2 tháng trước tháng đăng ký cộng với số người thực hiện sản xuất được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương dự tính và khuyến nghị.
- III. Số người thuộc diện đăng ký ngành cấp B tại Bảng 2 kèm theo hoặc Bảng 3 kèm theo, tổng số không được vượt quá 18% bình quân số nhân viên được Chủ thuê thuê làm 1 năm trước của 2 tháng trước tháng đăng ký cộng với số người thực hiện sản xuất được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương dự tính và khuyến nghị.
- IV. Số người thuộc diện đăng ký ngành nghề khác tại Bảng 2 kèm theo hoặc Bảng 3 kèm theo, tổng số không được vượt quá 15% bình quân số nhân viên được Chủ thuê thuê làm 1 năm trước của 2 tháng trước tháng đăng ký cộng với số người thực hiện sản xuất được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương dự tính và khuyến nghị.

Điều 14-2

Trường hợp người nước ngoài được Chủ thuê tại Điều 13 thuê làm công việc sản xuất, kể từ ngày Tiêu chuẩn này có hiệu lực sửa đổi ngày 01 tháng 10 năm 2010, Chủ thuê đã đăng ký nhận định quy trình sản xuất cụ thể với Cơ quan có

thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương hay Cơ quan Quản lý Khu cảng Thương mại Tự do, số người được đăng ký tuyển dụng lần đầu và tổng số người nước ngoài được thuê làm, không được vượt quá tỷ lệ sau đây:

- I. Số người thuộc diện đăng ký ngành sản xuất tại khu cảng thương mại tự do, tổng số không được vượt quá 40% bình quân số nhân viên Chủ thuê thuê làm 1 năm trước của 2 tháng trước tháng đăng ký.
- II. Số người thuộc diện đăng ký ngành cấp A+ tại Bảng 6 kèm theo, tổng số không được vượt quá 35% bình quân số nhân viên được Chủ thuê thuê làm 1 năm trước của 2 tháng trước tháng đăng ký.
- III. Số người thuộc diện đăng ký ngành cấp A tại Bảng 6 kèm theo, tổng số không được vượt quá 25% bình quân số nhân viên được Chủ thuê thuê làm 1 năm trước của 2 tháng trước tháng đăng ký.
- IV. Số người thuộc diện đăng ký ngành cấp B tại Bảng 6 kèm theo, tổng số không được vượt quá 20% bình quân số nhân viên được Chủ thuê thuê làm 1 năm trước của 2 tháng trước tháng đăng ký.
- V. Số người thuộc diện đăng ký ngành cấp C tại Bảng 6 kèm theo, tổng số không được vượt quá 15% bình quân số nhân viên được Chủ thuê thuê làm 1 năm trước của 2 tháng trước tháng đăng ký.
- VI. Số người thuộc diện đăng ký ngành cấp D tại Bảng 6 kèm theo, tổng số không được vượt quá 10% bình quân số nhân viên được Chủ thuê thuê làm 1 năm trước của 2 tháng trước tháng đăng ký.

Bình quân số người được thuê làm quy định tại mục trước không tính vào số người nước ngoài được thuê làm theo quy định tại Điều 14-3 và phần “nhưng” của mục 3 Điều 14-5.

Điều 14-3

Số người được Chủ thuê đăng ký tuyển dụng lần đầu theo Điều trước và tỷ lệ tổng số người nước ngoài được thuê làm, có thể nâng cao theo các trường hợp sau đây. Nhưng tổng cộng không được vượt quá 40% bình quân số nhân viên được Chủ thuê thuê làm 1 năm trước của 2 tháng trước tháng đăng ký.

- I. Trường hợp nâng cao tỷ lệ đến 5%, mỗi một người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm hàng tháng phải nộp thêm phí ổn định việc làm 3.000 Đài tệ.
- II. Trường hợp nâng cao tỷ lệ vượt quá 5% - 10%, mỗi một người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm hàng tháng phải nộp thêm phí ổn định việc làm 5.000 Đài tệ.
- III. Trường hợp nâng cao tỷ lệ vượt quá 10% - 15%, mỗi một người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm hàng tháng phải nộp thêm phí ổn định việc làm 7.000 Đài tệ.

Sau khi Chủ thuê dẫn nhập người nước ngoài theo tỷ lệ nâng cao tại các khoản

của mục trước, thì không được thay đổi số tiền của phí ổn định việc làm cần phải nộp thêm.

Điều 14-4

Trường hợp Chủ thuê phù hợp một trong các điều kiện sau đây, đã đăng ký nhận định tăng thêm dự án đầu tư với Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương, thì được đăng ký Giấy phép tuyển dụng lần đầu người nước ngoài được thuê làm:

- I. Là Nhà máy mới thành lập, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Công xưởng.
- II. Phù hợp điều kiện theo quy định tại khoản trước và một trong những điều kiện sau:
 1. Ngành sản xuất thuộc ngành công nghiệp công nghệ cao có vốn đầu tư đạt trên 500 triệu Đài tệ, hoặc ngành sản xuất thuộc ngành công nghiệp khác có vốn đầu tư đạt trên 100 triệu Đài tệ.
 2. Số lao động người trong nước được thuê làm đạt trên 100 người trong vòng 1 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Công xưởng dự tính thêm kế hoạch đầu tư.

Thời hạn nhận định đăng ký tại mục trước, kể từ ngày Tiêu chuẩn này có hiệu lực sửa đổi ngày 13 tháng 03 năm 2013 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Chủ thuê được nhận định tại mục 1, phải đăng ký một lần với Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương, và người nước ngoài được đăng ký và tổng số người nước ngoài được thuê làm tổng cộng không được vượt quá số nhân viên được thuê nhân với tỷ lệ tại Điều 14-2 cộng với Điều 14-3 do Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương dự tính và khuyến nghị.

Trường hợp tỷ lệ người nước ngoài được thuê tại mục trước phù hợp quy định sau đây, có thể miễn trừ 3 năm số tiền phí ổn định việc làm phải nộp thêm theo quy định tại Điều 14-3:

- I. Khoản 1 mục 1: Dưới 5%.
- II. Khoản 2 mục 1: Dưới 10%.

Điều 14-5

Chủ thuê phù hợp các điều kiện sau đây, sau khi đăng ký và được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương nhận định, thì được đăng ký Giấy phép tuyển dụng lần đầu người nước ngoài được thuê làm:

- I. Trường hợp được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương hạch chuẩn hoặc nhận định ra nước ngoài đầu tư trên 2 năm, và được nhận định phù hợp một trong các điều kiện sau đây:
 1. Tự có tiếp thị quốc tế thương hiệu, sản lượng xuất hàng ra nước ngoài trong 2 năm gần nhất chiếm trên 50%.

2. Nhà cung ứng top 5 liên kết quan trọng trong 1 năm gần nhất của chuỗi cung ứng quốc tế hoặc tỷ lệ chiếm hữu thị trường quốc tế đạt trên 10%.
 3. Là các sản phẩm có giá trị tăng cao và ngành công nghiệp liên quan linh phụ kiện quan trọng.
 4. Được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương hạch chuẩn thành lập mới Trung tâm Nghiên cứu Phát triển hoặc trụ sở vận hành Doanh nghiệp.
- II. Trường hợp hoàn thành thành lập Nhà xưởng mới trong vòng 3 năm kể từ ngày được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương cấp Công văn nhận định theo quy định tại khoản trước, đồng thời được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Công xưởng, và phù hợp điều kiện tại điểm 1 và điểm 2 khoản 2 mục 1 Điều trước.

Thời hạn đăng ký nhận định tại mục trước như sau:

- I. Khoản 1 mục trước: Kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2012 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- II. Khoản 2 mục trước: Trong vòng 3 năm kể từ ngày Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương cấp Công văn nhận định theo quy định tại khoản 1 mục trước.

Chủ thuê được nhận định tại mục 1, phải đăng ký một lần với Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương, hơn nữa người nước ngoài được đăng ký và tổng số người nước ngoài được thuê làm phải tính theo quy định tại mục 3 Điều trước. Nhưng trường hợp tỷ lệ người nước ngoài được Chủ thuê đăng ký chưa đạt tới 40%, thì nộp thêm số tiền phí ổn định việc làm theo quy định tại khoản 3 mục 1 Điều 14-3, tỷ lệ người nước ngoài được thuê nâng cao đến 40%.

Trường hợp tỷ lệ người nước ngoài được thuê tại mục trước phù hợp quy định sau đây, có thể miễn trừ 5 năm số tiền phí ổn định việc làm phải nộp thêm theo quy định tại Điều 14-3 và phần “nhưng” của mục trước:

- I. Điểm 1 đến điểm 3 khoản 1 mục 1: Dưới 20%.
- II. Điểm 4 khoản 1 mục 1: Dưới 15%.

Điều 14-6

Số vốn đầu tư tại 2 Điều trước, bao gồm các hạng mục vốn đầu tư thực chất như đất đai, phòng xưởng, thiết bị máy móc và vốn kinh doanh, trong đó vốn đầu tư phòng xưởng và thiết bị máy móc phải đạt tới 1/2 vốn đầu tư theo điểm 1 khoản 2 mục 1 Điều 14-4, và được kế toán viên ký nhận.

Thời hạn tính vốn đầu tư tại 2 Điều trước như sau:

- I. Mục 1 Điều 14-4: Giới hạn vốn đầu tư trong thời hạn kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- II. Khoản 2 mục 1 Điều trước: Giới hạn vốn đầu tư trong thời hạn trong vòng

3 năm kể từ ngày Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương nhận định phù hợp điều kiện tại khoản 1 mục 1 Điều trước. Trong cùng một Nhà xưởng, Chủ thuê đăng ký nhận định theo mục 1 Điều 14-4 và mục 1 Điều trước, chỉ giới hạn 1 lần, hơn nữa Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương và Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương có quyền kiểm tra đối chiếu điều kiện có liên quan của Chủ thuê tại chỗ.

Điều 14-7

Việc nhận định tổng số người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm theo Điều 14-2 đến Điều 14-5, phải bao gồm số người sau đây:

- I. Số người nước ngoài đăng ký tuyển dụng lần đầu.
- II. Số người được đăng ký Giấy phép tuyển dụng, số người được cấp Giấy phép tuyển dụng và số người nước ngoài đã được thuê làm. Nhưng có một trong các trường hợp sau đây, sẽ không tính vào:
 1. Số người nước ngoài được đăng ký tuyển dụng lại từ đầu theo quy định tại Điều 16.
 2. Người nước ngoài được đăng ký thuê làm theo quy định tại Điều 14-2, số người nước ngoài đã được đăng ký nâng cao tỷ lệ theo Điều 14-3 và phần “nhưng” của mục 3 Điều 14-5.
 3. Số người nước ngoài mà các hạng mục ghi trên Giấy phép tuyển dụng ban đầu thay đổi sau đó, khiến cho không thể đăng ký bổ sung tuyển dụng, tuyển dụng lại từ đầu hoặc thuê làm.
- III. Số người nước ngoài bị hủy bỏ Giấy phép tuyển dụng và Giấy phép thuê làm do nguyên nhân có thể quy trách nhiệm về phía Chủ thuê trong vòng 2 năm trước ngày đăng ký.
- IV. Số người nước ngoài chuyển Chủ theo quy định tại Điều 59 Luật này trong vòng 2 năm trước ngày đăng ký. Nhưng trường hợp lý do chuyển đổi không thể quy trách nhiệm về phía Chủ thuê, thì không thuộc phạm vi này.

Bình quân số nhân viên được thuê làm tại Điều 14-2 đến Điều 14-5, tổng số người lao động trong nước được thuê và người nước ngoài được thuê, sẽ được tính theo số người tham gia bảo hiểm lao động của cùng một mã số Giấy chứng nhận bảo hiểm lao động thuộc Công xưởng của Chủ thuê. Nhưng có một trong các trường hợp sau đây, Chủ thuê phải lập riêng mã số Giấy chứng nhận bảo hiểm lao động khi đăng ký thuê người nước ngoài:

- I. Trường hợp Công xưởng được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương hoặc Cơ quan Quản lý Khu cảng Thương mại Tự do nhận định là ngành nghề sản xuất cụ thể, đạt 2 cấp độ trở lên.
- II. Trường hợp đăng ký theo quy định tại Điều 8, Điều 14-4, Điều 14-5, Điều 16-2, Điều 19-1, Điều 19-9 và Điều 19-12.

Điều 14-8

Trường hợp Chủ thuê đăng ký thuê người nước ngoài theo quy định tại Điều 14-4 và Điều 14-5, đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương cấp Giấy phép tuyển dụng lần đầu, thì phải đăng ký dẫn nhập người nước ngoài trong vòng thời hạn được quy định trong Giấy thông báo cấp phép.

Chủ thuê đăng ký dẫn nhập người nước ngoài tại mục trước, không được vượt quá 1/2 số người trong Giấy phép tuyển dụng lần đầu. Nhưng trường hợp số người lao động trong nước được Chủ thuê thuê làm đã đạt tới 1/2 số người lao động trong nước được thuê dự tính cho dự án đầu tư mới, thì không thuộc phạm vi này.

Điều 14-9

Chủ thuê phù hợp phương án hành động hoành ngành Doanh nghiệp Đài Loan quay về Đài Loan đầu tư do Viện Hành chính hạch định ngày 07 tháng 12 năm 2018, sau khi đăng ký và được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương nhận định, thì có thể đăng ký Giấy phép tuyển dụng lần đầu người nước ngoài được thuê làm.

Trường hợp Chủ thuê phù hợp quy định tại mục trước, thì phải đăng ký cấp Giấy phép tuyển dụng lần đầu một lần với Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương trong vòng 1 năm sau thời hạn hoàn thành đầu tư được quy định tại Công văn nhận định.

Điều 14-10

Người nước ngoài được Chủ thuê đăng ký và tổng số người nước ngoài được thuê làm tại Điều trước, tổng cộng không được vượt quá số người được thuê nhân với tỷ lệ tại Điều 14-2 cộng với Điều 14-3 do Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương dự tính.

Trường hợp tỷ lệ người nước ngoài được Chủ thuê đăng ký chưa đạt tới 40%, thì nộp thêm số tiền phí ổn định việc làm theo quy định tại khoản 3 mục 1 Điều 14-3, tỷ lệ người nước ngoài được thuê nâng cao đến 15%. Nhưng tổng tỷ lệ cao nhất không được vượt quá 40%.

Chủ thuê tính tổng số người nước ngoài được thuê làm theo tỷ lệ tại 2 mục trước, phải được nhận định theo khoản 1, khoản 3 và khoản 4 mục 1 Điều 14-7. Số người được thuê làm và tổng số người nước ngoài được thuê làm tại mục 1 và mục trước, sẽ được tính theo số người tham gia bảo hiểm lao động của cùng một mã số Giấy chứng nhận bảo hiểm lao động thuộc Công xưởng của Chủ thuê. Nhưng trường hợp Công xưởng được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương hoặc Cơ quan Quản lý Khu cảng Thương mại Tự do nhận định là ngành nghề sản xuất cụ thể, đạt 2 cấp độ trở lên, thì Chủ thuê phải lập riêng mã số Giấy chứng nhận bảo hiểm lao động.

Điều 14-11

Trường hợp Chủ thuê phù hợp quy định tại mục 1 Điều 14-9, thì phải đăng ký nhận định với Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Trong cùng một Nhà xưởng, Chủ thuê đăng ký nhận định theo mục 1 Điều 14-9, chỉ giới hạn 1 lần, hơn nữa Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương và Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương có quyền kiểm tra đối chiếu điều kiện có liên quan của Chủ thuê tại chỗ.

Điều 14-12

Trường hợp Chủ thuê đăng ký thuê người nước ngoài theo quy định tại Điều 14-9, đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương cấp Giấy phép tuyển dụng lần đầu, thì phải đăng ký dẫn nhập người nước ngoài trong vòng thời hạn được quy định trong Giấy thông báo cấp phép.

Chủ thuê đăng ký dẫn nhập số người nước ngoài tại mục trước, không được vượt quá 1/2 số người trong Giấy phép tuyển dụng lần đầu. Nhưng trường hợp số người lao động trong nước được Chủ thuê thuê làm đã đạt tới 1/2 số người lao động trong nước được thuê dự tính, thì không thuộc phạm vi này.

Số người lao động trong nước tại phần “nhưng” mục trước, phải tính số người lao động trong nước được thuê tăng thêm kể từ ngày trong tháng Chủ thuê đến Cơ sở dịch vụ việc làm công lập đăng ký tìm lao động trong nước, cho đến trước ngày đăng ký, khi Chủ thuê chưa lập mã số Giấy chứng nhận bảo hiểm lao động.

Điều 15

(Xóa bỏ)

Điều 15-1

(Xóa bỏ)

Điều 15-2

(Xóa bỏ)

Điều 15-3

(Xóa bỏ)

Điều 15-4

Số người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm và tổng số người nước ngoài được dẫn nhập theo quy định tại Điều 13, Điều 14-1 và Điều 16, phải phù hợp các quy định sau đây:

- I. Trường hợp ngành sản xuất thuộc khu cảng thương mại tự do, số người nước ngoài được thuê làm không được vượt quá 40% số nhân viên được thuê làm.
- II. Trường hợp ngành sản xuất không thuộc khu cảng thương mại tự do, số người nước ngoài được thuê làm không được vượt quá 20% số nhân viên

được thuê làm. Nhưng trường hợp số nhân viên được thuê làm không đủ 5 người, thì có thể thuê 1 người nước ngoài.

Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương cứ 3 tháng sẽ kiểm tra đối chiếu một lần tỷ lệ hoặc số người nước ngoài mà Chủ thuê thuê làm theo quy định tại mục trước kể từ khi Chủ thuê dẫn nhập người nước ngoài nhập cảnh đủ 3 tháng.

Số người nước ngoài được thuê làm và số nhân viên được thuê làm tại mục 1, lấy 2 tháng trước tháng Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương kiểm tra đối chiếu làm tháng tiêu chuẩn, và tính số bình quân của số người tham gia bảo hiểm lao động 3 tháng trước kể từ tháng tiêu chuẩn.

Người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm vượt quá tỷ lệ hoặc số người được quy định tại mục 1, đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương thông báo cải thiện có thời hạn, trường hợp hết hạn mà không cải thiện, thì sẽ hủy bỏ Giấy phép tuyển dụng và Giấy phép thuê làm của số người vượt quá quy định theo quy định tại Điều 72 Luật này, đồng thời tính vào số người tại khoản 3 mục 1 Điều 14-7.

Điều 15-5

Trường hợp Chủ thuê đã đăng ký dự án đầu tư lớn với Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương hoặc Cơ quan Quản lý Khu cảng

Thương mại Tự do trong vòng 30 ngày sau khi công bố sửa đổi Tiêu chuẩn này ngày 01 tháng 10 năm 2007, số người khi đăng ký tuyển dụng lần đầu như sau:

- I. Số người được đăng ký cho ngành sản xuất thuộc công nghiệp phi truyền thống, tổng cộng không được vượt quá 10% số người làm công việc sản xuất được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương dự tính và khuyến nghị.
- II. Số người được đăng ký cho ngành sản xuất thuộc công nghiệp truyền thống, tổng cộng không được vượt quá 15% số người làm công việc sản xuất được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương dự tính và khuyến nghị.
- III. Số người tại mục trước được đăng ký cho ngành sản xuất thuộc khu cảng thương mại tự do, tổng cộng không được vượt quá 40% số người làm công việc sản xuất được Cơ quan Quản lý Khu cảng Thương mại Tự do dự tính và khuyến nghị.

Hạn chế số người nước ngoài tại mục trước được Chủ thuê đăng ký dẫn nhập như sau:

- I. Trường hợp ngành sản xuất thuộc công nghiệp phi truyền thống, số người nước ngoài không được vượt quá 10% số người lao động trong nước được Chủ thuê thuê làm cho cùng một dự án.
- II. Trường hợp ngành sản xuất thuộc công nghiệp truyền thống, số người

nước ngoài không được vượt quá 15% số người lao động trong nước được Chủ thuê thuê làm cho cùng một dự án.

- III. Ngành sản xuất tại khu cảng thương mại tự do, số người lao động trong nước được Chủ thuê thuê làm không được thấp hơn 60% tổng số nhân viên được thuê làm, và cứ đăng ký dẫn nhập 2 người nước ngoài, thì phải thuê 3 người lao động trong nước.

Số người lao động trong nước được thuê làm tại mục trước, được tính theo số người lao động trong nước tham gia bảo hiểm lao động được Chủ thuê thuê làm 3 tháng trước tháng đăng ký trừ đi số người lao động trong nước tham gia bảo hiểm lao động được Chủ thuê thuê làm 6 tháng trước khi hoàn thành công trình dự án đầu tư lớn đó. Nhưng trường hợp người lao động trong nước là người dân tộc bản địa, người khuyết tật hoặc người ở độ tuổi trung niên – cao tuổi, cứ thuê 1 người thì được tính là 3 người lao động trong nước.

Việc tính số người tham gia bảo hiểm lao động tại mục trước, giới hạn là lao động tại chức làm đủ 3 tháng với tổng số giờ làm việc của 1 tháng trước tháng đăng ký đạt trên 112 giờ

Điều 15-6

Trường hợp Chủ thuê đã được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương nhận định là ngành quy trình sản xuất cụ thể hoặc quy trình thời gian đặc biệt trước khi công bố sửa đổi Tiêu chuẩn này ngày 01 tháng 10 năm 2007, số người được đăng ký khi tuyển dụng lần đầu sẽ căn cứ số người thực hiện sản xuất theo quy trình sản xuất cụ thể hoặc quy trình thời gian đặc biệt được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương dự tính và khuyến nghị, cứ 5 người thì được đăng ký thuê 2 người nước ngoài. Tổng số người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm tại mục trước, tổng cộng không được vượt quá bình quân số nhân viên được Chủ thuê thuê 1 năm trước của 2 tháng trước tháng đăng ký, cộng với 15% số người thực hiện sản xuất theo quy trình sản xuất cụ thể hoặc quy trình thời gian đặc biệt được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương dự tính và khuyến nghị Chủ thuê cứ đăng ký dẫn nhập 2 người nước ngoài tại mục 1, thì phải thuê 3 người lao động trong nước.

Số người lao động trong nước được thuê làm tại mục trước, tính bằng số người lao động trong nước tham gia bảo hiểm lao động được Chủ thuê thuê làm trong tháng đăng ký trừ đi số người thực hiện sản xuất theo quy trình sản xuất cụ thể hoặc quy trình thời gian đặc biệt tham gia bảo hiểm lao động được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương thống báo dự tính và khuyến nghị, và hạn chế là lao động tại chức khi đăng ký. Nhưng trường hợp người lao động trong nước là người dân tộc bản địa, người khuyết tật hoặc

người ở độ tuổi trung niên – cao tuổi, cứ thuê 1 người thì được tính là 3 người lao động trong nước. Chủ thuê có số người chưa đăng ký dẫn nhập sau khi công bố sửa đổi ngày 01 tháng 10 năm 2007, thì có thể đăng ký dẫn nhập người nước ngoài, và áp dụng quy định Điều 15-4.

Điều 15-7

Số người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm và tổng số người nước ngoài được dẫn nhập theo quy định tại Điều 13, Điều 14-2 và Điều 16, phải phù hợp các quy định sau đây:

- I. Trường hợp ngành sản xuất thuộc khu cảng thương mại tự do, số người nước ngoài được thuê làm không được vượt quá 40% số nhân viên được thuê làm.
- II. Ngành nghề thuộc diện cấp A+ tại Bảng 6 kèm theo, số người nước ngoài được thuê làm không được vượt quá 35% số nhân viên được thuê làm.
- III. Ngành nghề thuộc diện cấp A tại Bảng 6 kèm theo, số người nước ngoài được thuê làm không được vượt quá 25% số nhân viên được thuê làm.
- IV. Ngành nghề thuộc diện cấp B tại Bảng 6 kèm theo, số người nước ngoài được thuê làm không được vượt quá 20% số nhân viên được thuê làm.
- V. Ngành nghề thuộc diện cấp C tại Bảng 6 kèm theo, số người nước ngoài được thuê làm không được vượt quá 15% số nhân viên được thuê làm.
- VI. Ngành nghề thuộc diện cấp D tại Bảng 6 kèm theo, số người nước ngoài được thuê làm không được vượt quá 10% số nhân viên được thuê làm.

Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương sẽ kiểm tra đối chiếu tỷ lệ người nước ngoài mà Chủ thuê thuê làm theo quy định tại mục 2 đến mục 4 Điều 15-4.

Số người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm và tổng số người nước ngoài được dẫn nhập theo quy định tại Điều 13, Điều 14-3 đến Điều 14-5, và Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương thực hiện kiểm tra đối chiếu phương thức Chủ thuê thuê người nước ngoài, phải phù hợp quy định tại Bảng 7 kèm theo.

Người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm theo Điều 14-9, Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương ngoài việc kiểm tra đối chiếu theo quy định tại mục 1 và mục 2 ra, còn phải kiểm tra đối chiếu theo quy định tại Bảng 11 kèm theo:

- I. Số người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm và tổng số người nước ngoài được dẫn nhập theo quy định tại Điều 13, Điều 14-3 đến 14-5, Điều 14-10.
- II. Cùng một mã số Giấy chứng nhận bảo hiểm lao động, Chủ thuê phải thuê thêm lao động trong nước, tiền lương tham gia bảo hiểm lao động và lương hưu khấu trừ trước, đều phải đạt trên 30.300 Đài tệ.

Trường hợp Chủ thuê vi phạm quy định khoản 2 mục trước, sẽ hủy bỏ Giấy phép tuyển dụng và Giấy phép thuê làm của số người chưa phù hợp quy định theo quy định tại Điều 72 Luật này, và tính vào số người tại khoản 3 mục 1 Điều

14-7.

Điều 15-8

Chủ thuê thuê người nước ngoài vượt quá số người quy định tại Bảng 7 kèm theo mục 3 Điều trước, đã bị Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương hủy bỏ Giấy phép tuyển dụng và Giấy phép thuê làm theo quy định tại Điều 72 Luật này, phải nộp bù số tiền phí ổn định việc làm được miễn trừ nộp thêm theo quy định tại Điều 14-4 và Điều 14-5.

Phương thức tính số người, số tiền và thời hạn cho phí ổn định việc làm nộp bổ sung tại mục trước như sau:

- I. Số người: Số người bị Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương hủy bỏ Giấy phép tuyển dụng và Giấy phép thuê làm lần này. Nhưng trường hợp chưa miễn trừ nộp thêm phí ổn định việc làm, thì không tính vào.
- II. Số tiền: Số người bị hủy bỏ Giấy phép tại khoản trước, miễn trừ số tiền phí ổn định việc làm phải nộp thêm theo các khoản tại mục 1 Điều 14-3.
- III. Thời hạn:
 1. Kiểm tra đối chiếu lần thứ nhất: Từ ngày hôm sau ngày người nước ngoài nhập cảnh cho đến hết một ngày trước khi hủy bỏ Giấy phép thuê làm.
 2. Kiểm tra đối chiếu lần thứ hai: Từ ngày hôm sau ngày Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương thông báo Chủ thuê cải thiện theo thời hạn cho đến hết một ngày trước khi hủy bỏ Giấy phép thuê làm. Ngày nhập cảnh của người nước ngoài, sau ngày thông báo Chủ thuê cải thiện theo thời hạn, từ ngày hôm sau ngày nhập cảnh cho đến hết một ngày trước khi hủy bỏ Giấy phép thuê làm.

Điều 16

Trong thời hạn 4 tháng trước khi Giấy phép thuê làm của người nước ngoài hết hạn, Chủ thuê ngành sản xuất nếu có nhu cầu tiếp tục thuê người nước ngoài, thì có thể đăng ký tuyển dụng lại từ đầu với Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương, giới hạn 1 lần.

Số người được đăng ký tuyển dụng lại từ đầu tại mục trước, không được vượt quá số người được dẫn nhập theo Giấy phép tuyển dụng lần trước hoặc Giấy phép tiếp tục thuê làm của cùng một mã số Giấy chứng nhận bảo hiểm lao động.

Điều 16-1

(Xóa bỏ)

Chương IV-I: Công việc sản xuất bên ngoài

Điều 16-2

Người nước ngoài được thuê làm thực hiện công việc sản xuất bên ngoài theo

quy định tại khoản 2 Điều 4, phải thực hiện theo chỉ định của Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương đã họp bàn với Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương, Cơ sở quản lý khu công nghiệp được thành lập theo mục 1 Điều 50 Điều lệ đối mới ngành công nghiệp ủy quyền cho một trong những người sau đây đảm nhận vai trò Chủ thuê:

- I. Tập đoàn Tài chính Pháp nhân.
- II. Tập đoàn Xã hội Pháp nhân phi lợi nhuận.
- III. Tổ chức phi lợi nhuận khác với mục đích lợi ích công cộng.

Người nước ngoài được thuê làm thực hiện công việc sản xuất bên ngoài tại mục trước, nơi thực hiện Hợp đồng dịch vụ sản xuất bên ngoài của họ phải được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương nhận định là khu vực sản xuất có quy trình sản xuất cụ thể hoặc quy trình thời gian đặc biệt tại mục 1, mục 2 Điều 13.

Điều 16-3

Trường hợp Chủ thuê đề xuất báo cáo Bản kế hoạch dịch vụ sản xuất bên ngoài với Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương và đã được hạch định, thì có thể đăng ký Giấy phép tuyển dụng lần đầu thuê người nước ngoài.

Bản kế hoạch dịch vụ sản xuất bên ngoài tại mục trước, phải bao gồm các hạng mục sau đây:

- I. Giấy chứng nhận Chủ thuê phù hợp điều kiện.
- II. Quy hoạch liên quan đến cung cấp dịch vụ, hạng mục thu phí và số tiền, phạm vi Hợp đồng v.v...
- III. Quy hoạch cơ chế bố trí nhân lực, giám sát hướng dẫn và huấn luyện giáo dục đối với công việc sản xuất.
- IV. Quy hoạch quản chế và kiểm tra đối chiếu định kỳ số người được sử dụng trong công việc dịch vụ sản xuất bên ngoài tại nơi thực hiện Hợp đồng dịch vụ sản xuất bên ngoài.
- V. Các thông tin khác có liên quan đến dịch vụ sản xuất bên ngoài.

Chủ thuê phải thực hiện theo nội dung Bản kế hoạch dịch vụ sản xuất bên ngoài đã được hạch định.

Số người nước ngoài được Chủ thuê thuê thực hiện công việc sản xuất bên ngoài, không được vượt quá số người đã được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương hạch định.

Điều 16-4

Nơi thực hiện Hợp đồng dịch vụ công việc sản xuất bên ngoài do Chủ thuê chỉ định người nước ngoài thực hiện, người nước ngoài được Chủ thuê tự thuê thực hiện công việc sản xuất và người nước ngoài được sử dụng để thực hiện

công việc sản xuất bên ngoài, tổng cộng không được vượt quá 40% số người tham gia bảo hiểm lao động tại nơi thực hiện Hợp đồng dịch vụ.

Số người nước ngoài tại mục trước, được tính theo số người tham gia bảo hiểm lao động của 2 tháng trước tháng được kiểm tra đối chiếu tại nơi thực hiện Hợp đồng dịch vụ.

Cơ sở quản lý khu công nghiệp tại mục 1 Điều 16-2, cứ 3 tháng một lần phải kiểm tra đối chiếu tỷ lệ người nước ngoài tại nơi thực hiện Hợp đồng dịch vụ theo quy định tại mục 1 kể từ ngày người nước ngoài đến nơi thực hiện Hợp đồng dịch vụ để cung cấp dịch vụ, và thông báo kết quả kiểm tra đối chiếu lên Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương.

Trường hợp người nước ngoài được Chủ thuê tự thuê thực hiện công việc sản xuất và người nước ngoài được sử dụng để thực hiện công việc sản xuất bên ngoài tại nơi thực hiện Hợp đồng dịch vụ, tổng cộng vượt quá tỷ lệ tại mục 1, thì Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương phải thông báo cho Chủ thuê không được tiếp tục chỉ định người nước ngoài đến nơi thực hiện Hợp đồng dịch vụ để cung cấp dịch vụ.

Điều 16-5

Chủ thuê tại Điều trước có một trong các trường hợp sau đây, Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương phải hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ Giấy phép tuyển dụng và Giấy phép thuê làm theo quy định tại Điều 72 Luật này.

- I. Trường hợp chỉ định người nước ngoài đến địa điểm sản xuất không phù hợp quy định tại mục 1 hoặc mục 2 Điều 13 để thực hiện công việc sản xuất bên ngoài, đã được yêu cầu cải thiện theo thời hạn nhưng hết hạn mà vẫn không cải thiện.
- II. Trường hợp vi phạm nội dung Bản kế hoạch dịch vụ sản xuất bên ngoài, đã bị Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương hủy bỏ hạch định.
- III. Trường hợp đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương thông báo phải ngừng dịch vụ sản xuất bên ngoài theo quy định tại mục 4 Điều trước, nhưng vẫn không thực hiện theo thông báo.
- IV. Trường hợp kinh doanh kém, vi phạm Pháp lệnh liên quan hoặc gây nguy hiểm lớn đối với lợi ích công cộng.

Chương V: Công việc xây dựng

Điều 17

Người nước ngoài được thuê làm thực hiện công việc xây dựng tại khoản 3 Điều 4, Chủ thuê nhận thầu xây dựng công trình công cộng, và có lập Hợp đồng công trình với Cơ quan (Cơ sở) Chính phủ hoặc Cơ sở doanh nghiệp Nhà nước là bên phát thầu xây dựng, đồng thời phù hợp với một trong các điều kiện sau đây, thì

có thể đăng ký Giấy phép tuyển dụng lần đầu thuê người nước ngoài:

- I. Tổng số tiền Hợp đồng công trình đạt trên 100 triệu Đài tệ, và thời hạn công trình đạt trên 1 năm 6 tháng.
- II. Tổng số tiền Hợp đồng công trình đạt trên 50 triệu Đài tệ đến dưới 100 triệu Đài tệ, và thời hạn công trình đạt trên 1 năm 6 tháng, tổng số tiền Hợp đồng công trình công cộng khác của cùng một Chủ thuê nhận thầu xây dựng tích lũy đạt trên 100 triệu Đài tệ. Nhưng trường hợp khi đăng ký Giấy phép tuyển dụng lần đầu, công trình công cộng khác của cùng một Chủ thuê nhận thầu xây dựng đã hoàn thành công trình, tổng số tiền Hợp đồng công trình chưa đạt tới 50 triệu Đài tệ hoặc thời hạn công trình chưa đạt đến 1 năm 6 tháng, thì không tính tích lũy.

Trường hợp các công trình tại mục trước do Cơ sở doanh nghiệp Nhà nước phát thầu xây dựng, thì Cơ sở doanh nghiệp Nhà nước có thể đăng ký Giấy phép tuyển dụng lần đầu thuê người nước ngoài.

Điều 17-1

Người nước ngoài được thuê làm thực hiện công việc xây dựng tại khoản 3 Điều 4, nếu Chủ thuê nhận thầu xây dựng công trình xây dựng lớn do Cơ sở tư nhân đầu tư xây dựng (dưới đây gọi tắt là công trình xây dựng lớn tư nhân), và lập Hợp đồng công trình với Cơ sở tư nhân, tổng kinh phí công trình dự án đạt trên 10 tỷ Đài tệ, thời hạn dự án đạt trên 1 năm 6 tháng, tổng số tiền Hợp đồng công trình xây dựng riêng lẻ đạt trên 1 tỷ Đài tệ, thời hạn công trình Hợp đồng đạt trên 1 năm 6 tháng, thì có thể đăng ký Giấy phép tuyển dụng lần đầu thuê người nước ngoài, giới hạn các công trình sau đây:

- I. Công trình tiện ích công cộng do tư nhân đầu tư xây dựng được hạch chuẩn chuyên án.
- II. Công trình khuyến khích tư nhân đầu tư xây dựng được hạch chuẩn hoặc công trình công cộng lớn do Cơ sở tư nhân tham gia được hạch định, hoặc công trình công cộng được xây dựng theo Luật Xúc tiến Tư nhân Tham gia Xây dựng Công cộng.
- III. Công trình xây dựng trường học tư thục, Cơ sở Phúc lợi Xã hội, Cơ sở Y tế hoặc nhà ở xã hội.
- IV. Công trình xây dựng phòng xưởng thuộc dự án đầu tư lớn của ngành sản xuất.

Chủ thuê đăng ký Giấy phép tại mục trước, phải được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu nhận định là phù hợp với điều kiện tại mục trước.

Trường hợp các công trình tại mục 1 thuộc diện Cơ sở tư nhân tự lập kế hoạch tổng thể và xây dựng hoặc lắp đặt thiết bị, thì Cơ sở tư nhân đó có thể đăng ký Giấy phép tuyển dụng lần đầu thuê người nước ngoài.

Điều 18

Số người nước ngoài được Chủ thuê tại Điều 17 thuê làm thực hiện công việc xây dựng tại cùng một công trình công cộng, giới hạn tối đa 20% số người được tính như trong Bảng 4 kèm theo căn cứ số tiền và thời hạn công trình được ghi trong Hợp đồng công trình xây dựng riêng lẻ. Nhưng công trình riêng lẻ có một trong các trường hợp sau đây, thì sẽ tính riêng theo các khoản quy định:

- I. Trường hợp chỉ tiêu phân cấp theo Bảng 4 kèm theo và tổng điểm tính công thức đạt trên 80 điểm, thì tỷ lệ bố trí người nước ngoài có thể thực hiện theo tổng điểm nhân với 4/1000.
- II. Trường hợp Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương nhận thấy cần thiết gia tăng tỷ lệ bố trí người nước ngoài, đã báo cáo Viện Hành chính hạch định.

Tổng số tiền công trình, thời hạn công trình và chỉ tiêu phân cấp được quy định tại mục trước, phải được Cơ quan (Cơ sở) tổ chức công trình của công trình công cộng và Cơ quan cấp trên của Cơ sở đó nhận định.

Điều 18-1

Số người nước ngoài được Chủ thuê tại Điều 17-1 thuê làm thực hiện công việc xây dựng tại cùng một công trình xây dựng lớn tư nhân, giới hạn tối đa 20% số người được tính như trong Bảng 4 kèm theo căn cứ tổng số tiền và thời hạn công trình được ghi trong Hợp đồng công trình xây dựng riêng lẻ. Nhưng trường hợp Cơ sở tư nhân tự lập kế hoạch tổng thể và xây dựng hoặc lắp đặt thiết bị, số tiền Hợp đồng công trình xây dựng riêng lẻ chưa đạt tới 1 tỷ Đài tệ, thời hạn công trình Hợp đồng chưa đạt tới 1 năm 6 tháng, thì không được tính vào.

Tổng số tiền công trình và thời hạn công trình tại mục trước, phải được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu nhận định. Nhưng trường hợp công trình chưa ký kết Hợp đồng công trình xây dựng riêng lẻ, thì Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu sẽ nhận định tổng số tiền công trình và thời hạn công trình xây dựng theo công trình dự án đó.

Điều 18-2

Trường hợp Chủ thuê nhận thầu công trình công cộng được Cơ quan (Cơ sở) tổ chức công trình lập Giấy chứng nhận gia hạn thời hạn công trình, và trong thời gian gia hạn công trình có nhu cầu thuê người nước ngoài, thì phải đăng ký gia hạn Giấy phép thuê làm với Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương trong vòng thời gian từ 14 ngày đến 120 ngày trước khi Giấy phép thuê làm ban đầu của người nước ngoài hết hạn.

Trường hợp Cơ sở tư nhân tự hoặc đầu tư xây dựng công trình xây dựng lớn tư nhân được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu lập Giấy chứng nhận gia hạn thời hạn công trình, và trong thời gian gia hạn công trình có nhu

cầu thuê người nước ngoài, thì phải đăng ký gia hạn Giấy phép thuê làm với Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương trong vòng thời gian từ 14 ngày đến 120 ngày trước khi Giấy phép thuê làm ban đầu của người nước ngoài hết hạn.

Số người nước ngoài của Giấy phép thuê làm được gia hạn tại 2 mục trước, sẽ được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương tính lại theo Bảng 4 kèm theo tại Điều 18, bằng cách cộng thời hạn công trình ban đầu với thời hạn công trình được gia hạn, và không được vượt quá số người trong Giấy phép tuyển dụng lần đầu do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương cấp ban đầu.

Thời hạn gia hạn Giấy phép thuê làm của người nước ngoài tại mục 1 và mục 2, giới hạn thời hạn gia hạn công trình, và thời hạn Giấy phép thuê làm cộng với thời hạn Giấy phép thuê làm được gia hạn, không được quá 3 năm.

Điều 18-3

Trường hợp Chủ thuê nhận thầu công trình công cộng vẫn có nhu cầu thuê người nước ngoài trong thời gian nghiệm thu công trình, đã được Cơ quan (Cơ sở) tổ chức công trình lập Giấy chứng nhận ngày nghiệm thu hoàn thành dự án công trình, thì phải đăng ký gia hạn Giấy phép thuê làm với Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương trong vòng thời gian từ 14 ngày đến 120 ngày trước khi Giấy phép thuê làm ban đầu của người nước ngoài hết hạn.

Số người nước ngoài trong Giấy phép thuê làm được gia hạn tại mục trước, không được vượt quá 50% số người nước ngoài được thuê làm có hiệu lực của công trình đó.

Người nước ngoài đã được thông báo theo quy định cho Cơ quan có thẩm quyền biết là trốn việc liên tiếp 3 ngày và mất liên lạc, thì sẽ không tính vào số người nước ngoài được thuê làm có hiệu lực tại mục trước.

Thời hạn gia hạn Giấy phép thuê làm của người nước ngoài tại mục 1, giới hạn là thời hạn nghiệm thu hoàn thành dự án công trình, và thời hạn Giấy phép thuê làm cộng với thời hạn Giấy phép thuê làm được gia hạn, không được quá 3 năm.

Điều 19

(Xóa bỏ)

Chương V-1: Công tác giết mổ

Điều 19-1

Người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm thực hiện công việc giết mổ tại khoản 4 Điều 4, trường hợp Chủ thuê hành nghề giết mổ, chặt khúc, đóng gói gia súc gia cầm và các công việc bằng thể lực có liên quan, đã được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương nhận định là phù hợp quy định, thì có thể đăng ký Giấy phép tuyển dụng lần đầu thuê người nước ngoài. Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương và Cơ quan có thẩm quyền về kinh

doanh mục tiêu cấp Trung ương được quyền thực thi kiểm tra đối chiếu điều kiện tại mục trước.

Điều 19-2

Trường hợp người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm thực hiện công việc giết mổ tại Điều trước, Chủ thuê đã được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương nhận định là phù hợp quy định, thì số người được đăng ký tuyển dụng lần đầu với Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương và tổng số người nước ngoài được thuê làm, không được vượt quá 25% bình quân số nhân viên được Chủ thuê thuê làm 1 năm trước của 2 tháng trước tháng đăng ký.

Bình quân số nhân viên được thuê làm tại mục trước, không tính vào số người nước ngoài được thuê làm theo quy định tại phần “nhưng” của mục 1 Điều 19-3.

Điều 19-3

Số người được Chủ thuê đăng ký tuyển dụng lần đầu theo Điều trước và tỷ lệ tổng số người nước ngoài được thuê làm, có thể nâng cao theo các trường hợp sau đây. Nhưng tổng cộng không được vượt quá 40% bình quân số nhân viên được Chủ thuê thuê làm 1 năm trước của 2 tháng trước tháng đăng ký.

- III. Trường hợp nâng cao tỷ lệ đến 5%, mỗi một người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm hàng tháng phải nộp thêm phí ổn định việc làm 3.000 Đài tệ.
- IV. Trường hợp nâng cao tỷ lệ vượt quá 5% - 10%, mỗi một người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm hàng tháng phải nộp thêm phí ổn định việc làm 5.000 Đài tệ.
- V. Trường hợp nâng cao tỷ lệ vượt quá 10% - 15%, mỗi một người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm hàng tháng phải nộp thêm phí ổn định việc làm 7.000 Đài tệ.

Sau khi Chủ thuê dẫn nhập người nước ngoài theo tỷ lệ nâng cao tại các khoản của mục trước, thì không được thay đổi số tiền của phí ổn định việc làm cần phải nộp thêm.

Điều 19-4

Việc nhận định tổng số người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm tại 2 Điều trước, phải bao gồm số người sau đây:

- I. Số người nước ngoài đăng ký tuyển dụng lần đầu.
- II. Số người được đăng ký Giấy phép tuyển dụng, số người được cấp Giấy phép tuyển dụng và số người nước ngoài đã được thuê làm. Nhưng có một trong các trường hợp sau đây, sẽ không tính vào:
 - 1. Số người nước ngoài được đăng ký tuyển dụng lại từ đầu theo quy định tại Điều 19-6.

2. Số người nước ngoài được đăng ký thuê làm theo quy định tại Điều 19-2, đã đăng ký nâng cao tỷ lệ theo quy định tại Điều 19-3.
 3. Số người nước ngoài mà các hạng mục ghi trên Giấy phép tuyển dụng ban đầu thay đổi sau đó, khiến cho không thể đăng ký bổ sung tuyển dụng, tuyển dụng lại từ đầu hoặc thuê làm.
- III. Số người nước ngoài bị hủy bỏ Giấy phép tuyển dụng và Giấy phép thuê làm do nguyên nhân có thể quy trách nhiệm về phía Chủ thuê trong vòng 2 năm trước ngày đăng ký.
- IV. Số người nước ngoài chuyển Chủ theo quy định tại Điều 59 Luật này trong vòng 2 năm trước ngày đăng ký. Nhưng trường hợp lý do chuyển đổi không thể quy trách nhiệm về phía Chủ thuê, thì không thuộc phạm vi này.

Bình quân số nhân viên được thuê làm tại 2 Điều trước và tổng số người nước ngoài được thuê làm, sẽ được tính theo số người tham gia bảo hiểm lao động của cùng một mã số Giấy chứng nhận bảo hiểm lao động thuộc Chủ thuê.

Điều 19-5

Số người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm và tổng số người nước ngoài được dẫn nhập theo quy định tại Điều 19-1 và Điều 19-2, không được vượt quá 25% số nhân viên được thuê làm.

Số người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm và tổng số người nước ngoài được dẫn nhập theo quy định tại Điều 19-1 đến Điều 19-3, và phương thức thuê người nước ngoài của Chủ thuê đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương thực hiện kiểm tra đối chiếu, phải phù hợp quy định tại Bảng 10 kèm theo.

Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương cứ 3 tháng một lần phải kiểm tra đối chiếu tỷ lệ hoặc số người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm theo quy định tại 2 mục trước kể từ khi Chủ thuê dẫn nhập người nước ngoài nhập cảnh đủ 3 tháng.

Số người nước ngoài được thuê làm và số nhân viên được thuê làm tại mục 1 và mục 2, lấy 2 tháng trước tháng Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương kiểm tra đối chiếu làm tháng tiêu chuẩn, và tính số bình quân của số người tham gia bảo hiểm lao động 3 tháng trước kể từ tháng tiêu chuẩn.

Người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm vượt quá tỷ lệ hoặc số người được quy định tại mục 1, đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương thông báo cải thiện có thời hạn, trường hợp hết hạn mà không cải thiện, thì sẽ hủy bỏ Giấy phép tuyển dụng và Giấy phép thuê làm của số người vượt quá quy định theo quy định tại Điều 72 Luật này, đồng thời tính vào số người tại khoản 3 mục 1 Điều 19-4.

Điều 19-6

Trường hợp Chủ thuê ngành giết mổ có nhu cầu tiếp tục thuê người nước ngoài trong vòng thời hạn 4 tháng trước khi Giấy phép thuê làm của người nước ngoài hết hạn, thì có thể đăng ký tuyển dụng lại từ đầu với Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương, và giới hạn 1 lần.

Số người được đăng ký tuyển dụng lại từ đầu tại mục trước, không được vượt quá số người nước ngoài được dẫn nhập theo Giấy phép tuyển dụng lần trước hoặc Giấy phép tiếp tục thuê làm.

Chương V-2: (Xóa bỏ)

Điều 19-7

(Xóa bỏ)

Điều 19-8

(Xóa bỏ)

Chương V-3: Công việc canh tác nông nghiệp bên ngoài

Điều 19-9

Người nước ngoài được thuê làm thực hiện công việc canh tác nông nghiệp bên ngoài theo quy định tại khoản 5 Điều 4, trường hợp Chủ thuê là Hội Nông nghiệp, Hội Ngư nghiệp, Hợp tác xã hoặc Tổ chức phi lợi nhuận có liên quan đến nông lâm ngư đánh bắt nuôi trồng, thì có thể đăng ký Giấy phép tuyển dụng lần đầu thuê người nước ngoài.

Nơi thực hiện Hợp đồng dịch vụ của người nước ngoài thực hiện công việc canh tác nông nghiệp bên ngoài, phải có khu vực sân bãi thực hiện công tác nông, lâm, ngư hoặc chăn nuôi.

Người nước ngoài đã được đăng ký thuê làm thực hiện một trong các công việc sau theo Tiêu chuẩn này, không được đăng ký sử dụng dịch vụ canh tác nông nghiệp bên ngoài:

- I. Công việc đánh bắt cá ngoài khơi.
- II. Công việc sản xuất.
- III. Công việc giết mổ.
- IV. Công việc nông, lâm, ngư hoặc chăn nuôi.

Điều 19-10

Chủ thuê tại mục 1 Điều trước, phải đề xuất báo cáo Bản kế hoạch dịch vụ canh tác nông nghiệp bên ngoài lên Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu. Bản kế hoạch dịch vụ canh tác nông nghiệp bên ngoài tại mục trước, phải bao gồm những hạng mục sau đây:

- I. Giấy chứng nhận Chủ thuê phù hợp điều kiện.
- II. Quy hoạch liên quan đến cung cấp dịch vụ, hạng mục thu phí và số tiền, phạm vi Hợp đồng v.v...
- III. Bố trí nhân lực canh tác nông nghiệp, giám sát hướng dẫn và quy hoạch cơ

chế giáo dục huấn luyện.

IV. Dữ liệu khác có liên quan đến dịch vụ canh tác nông nghiệp bên ngoài. Trường hợp Bản kế hoạch dịch vụ canh tác nông nghiệp bên ngoài đã được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương hạch định, Chủ thuê phải thực hiện theo nội dung Bản kế hoạch đã được hạch định. Số người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm thực hiện công việc canh tác nông nghiệp bên ngoài tại Điều trước, không được vượt quá bình quân số người lao động trong nước tham gia bảo hiểm lao động 1 năm trước của 2 tháng trước tháng đăng ký của cùng một mã số Giấy chứng nhận bảo hiểm lao động thuộc Chủ thuê.

Điều 19-11

Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương và Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương được quyền thực thi kiểm tra đối chiếu điều kiện tại 2 Điều trước.

Chủ thuê có một trong các trường hợp sau đây, Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương phải hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ Giấy phép tuyển dụng và Giấy phép thuê làm theo quy định tại Điều 72 Luật này.

- I. Trường hợp chỉ định người nước ngoài đến địa điểm thực hiện công việc nông, lâm, ngư hoặc chăn nuôi không phù hợp quy định để thực hiện công việc canh tác nông nghiệp bên ngoài, đã được yêu cầu cải thiện theo thời hạn nhưng hết hạn mà vẫn không cải thiện.
- II. Trường hợp vi phạm Pháp lệnh hoặc nội dung Bản kế hoạch dịch vụ canh tác nông nghiệp bên ngoài đã được hạch định, đã bị Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương hoặc Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương nhận định có tình tiết nghiêm trọng.
- III. Trường hợp kinh doanh kém hoặc gây nguy hiểm lớn đối với lợi ích công cộng.

Chương V-4: Công tác nông lâm ngư hoặc chăn nuôi

Điều 19-12

Người nước ngoài được thuê làm thực hiện công việc nông lâm ngư hoặc chăn nuôi theo quy định tại khoản 6 Điều 4, Chủ thuê phải hành một trong các nghề sau đây:

- I. Kinh doanh trang trại chăn nuôi thực hiện việc quản lý chăn nuôi gia súc gia cầm, nuôi giống, vắt sữa, gom trứng, sắp xếp môi trường trang trại chăn nuôi, xử lý ô nhiễm và tái sử dụng, điều chế thức ăn gia súc gia cầm, phòng ngừa dịch bệnh và các công việc bằng thể lực có liên quan.
- II. Kinh doanh trồng cây cảnh hoa lan, trồng nấm ăn, trồng rau củ và các công

việc bằng thể lực có liên quan lương thực nông nghiệp.

- III. Kinh doanh quản lý chăn nuôi, nuôi giống, thu hoạch, sắp xếp môi trường chăn nuôi thủy sản ao cá trên bờ và các công việc bằng thể lực có liên quan nuôi trồng ao cá.
- IV. Kinh doanh các công việc nông, lâm nghiệp khác được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương họp bàn với Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương chỉ định.

Trường hợp Chủ thuê tại mục trước được Cơ quan có thẩm quyền về kinh doanh mục tiêu cấp Trung ương nhận định là phù hợp quy định Bảng 12 kèm theo, thì có thể đăng ký Giấy phép tuyển dụng lần đầu thuê người nước ngoài. Chủ thuê thuê người nước ngoài thực hiện công việc nông, lâm, ngư hoặc chăn nuôi theo quy định tại mục 1, việc nhận định về tỷ lệ bố trí, số người lao động trong nước và tổng số người nước ngoài được thuê làm, phải phù hợp với quy định tại Bảng 12 kèm theo.

Chương VI: Công việc khán hộ tại Cơ sở

Điều 20

Người nước ngoài được thuê làm thực hiện công việc khán hộ tại Cơ sở thuộc khoản 3 Điều 3, Chủ thuê phải có một trong các điều kiện sau đây:

- I. Cơ sở chăm sóc lâu dài, Cơ sở bảo hộ chăm nuôi, Cơ sở an dưỡng hoặc Cơ sở Phúc lợi Xã hội Tập đoàn Tài chính Pháp nhân nhận chăm sóc người khuyết tật mức độ vừa trở lên, bệnh nhân mắc chứng về thần kinh và bệnh nhân mất trí.
- II. Cơ sở hộ lý, Bệnh viện mãn tính hoặc Bệnh viện đa khoa, Bệnh viện, Bệnh viện chuyên khoa có giường bệnh mãn tính, giường bệnh chăm sóc hô hấp.
- III. Cơ sở dịch vụ chăm sóc lâu dài loại dịch vụ ký túc được thiết lập theo Luật Dịch vụ Chăm sóc Lâu dài.

Điều 21

Số người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm thực hiện công việc khán hộ tại Cơ sở ở Điều trước như sau:

- I. Cơ sở tại khoản 1 Điều trước, cứ 3 người được nhận chăm sóc thực tế tại các Cơ sở thì thuê 1 người làm.
- II. Cơ sở hoặc Bệnh viện tại khoản 2 và khoản 3 Điều trước, cứ 5 giường bệnh được đăng ký theo quy định pháp luật thì thuê 1 người làm.

Số người nước ngoài tại mục trước, tổng cộng không được vượt quá số khán hộ công trong nước.

Việc tính số khán hộ công trong nước tại mục trước, phải lấy số người tham gia bảo hiểm lao động trong ngày đăng ký Giấy phép tuyển dụng làm chuẩn.

Chương VII: Công việc khán hộ tại gia đình

Điều 22

Người nước ngoài được thuê làm thực hiện công việc khán hộ tại gia đình thuộc khoản 4 Điều 3, thì người được chăm sóc phải có một trong các điều kiện sau đây:

- I. Một trong các hạng mục khuyết tật cụ thể ở mức độ nặng.
- II. Trường hợp độ tuổi dưới 80 tuổi, được Cơ sở Y tế đánh giá chuyên nghiệp theo phương thức đội ngũ, nhận định cần thiết phải có người chăm sóc cả ngày.
- III. Trường hợp độ tuổi trên 80 tuổi, được Cơ sở Y tế đánh giá chuyên nghiệp theo phương thức đội ngũ, nhận định cần thiết phải có người chăm sóc nương tựa mức độ nặng.
- IV. Trường hợp độ tuổi trên 85 tuổi, được Cơ sở Y tế đánh giá chuyên nghiệp theo phương thức đội ngũ, nhận định cần thiết phải có người chăm sóc nương tựa mức độ nhẹ.

Trường hợp đã đăng ký người giúp việc gia đình theo số điểm tính tại Điều 10, thì không được làm người được chăm sóc tại mục trước.

Hạng mục người khuyết tật cụ thể tại khoản 1 mục 1 như đã nêu trong Bảng 5 kèm theo, hoặc mức độ giám định loại khuyết tật đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương công bố.

Cơ sở Y tế được quy định tại khoản 2 đến khoản 4 mục 1, sẽ do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương họp bàn với Cơ quan có thẩm quyền về phúc lợi Y tế cấp Trung ương thực hiện công bố.

Phương thức đánh giá chuyên nghiệp được quy định tại khoản 2 đến khoản 4 mục 1, sẽ do Cơ quan có thẩm quyền về phúc lợi Y tế cấp Trung ương công bố.

Điều 22-1

Người được chăm sóc phù hợp một trong các trường hợp áp dụng tại Bảng 8 kèm theo, Chủ thuê từng được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương hạch chuẩn thuê người nước ngoài, khi đăng ký Giấy phép tuyển dụng lại từ đầu, thì người được chăm sóc không cần Cơ sở Y tế đánh giá chuyên nghiệp tại Điều trước.

Điều 22-2

Trường hợp người nước ngoài thực hiện công việc theo quy định tại khoản 8 đến khoản 10 mục 1 Điều 46 Luật này, ngoại trừ phải phù hợp các quy định khác của Tiêu chuẩn này ra, thời hạn làm việc trong nước Trung Hoa Dân Quốc tích lũy đủ 12 năm hoặc sẽ đủ 12 năm trong vòng 1 năm, và số điểm tích lũy tính trong Bảng 9 kèm theo đủ 60 điểm, được Chủ thuê đăng ký thuê làm thực hiện

công việc khán hộ tại gia đình, thì thời hạn làm việc trong nước Trung Hoa Dân Quốc của người nước ngoài đó có thể tích lũy đến 14 năm.

Điều 23

Người nước ngoài được thuê làm thực hiện công việc khán hộ tại gia đình theo khoản 4 Điều 3, thì giữa Chủ thuê và người được chăm sóc phải có một trong các quan hệ thân thích sau đây:

- I. Hôn phối.
- II. Huyết thống trực hệ.
- III. Huyết thống bàng hệ trong vòng 3 đời.
- IV. Cha mẹ kế, con kế, cha mẹ hoặc cha mẹ kế của hôn phối, hôn phối của con đẻ hoặc con kế.
- V. Ông bà và hôn phối của cháu, ông bà kế và cháu, ông bà kế và hôn phối của cháu.

Nếu Chủ thuê hoặc người được chăm sóc là người nước ngoài, thì phải được Cơ quan có thẩm quyền cho phép cư trú tại Đài Loan.

Trường hợp người được chăm sóc không có người thân thích tại Đài Loan, hoặc trường hợp đặc biệt được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương hạch định chuyên án, sẽ do người không có quan hệ thân thích với người được chăm sóc đảm nhiệm vai trò Chủ thuê hoặc người được chăm sóc là Chủ thuê để đăng ký thuê người nước ngoài. Nhưng trường hợp người được chăm sóc là Chủ thuê, phải chỉ định người có năng lực hành vi thay mặt chấp hành khi người được chăm sóc đó không thể chấp hành trách nhiệm của Chủ thuê.

Điều 24

Trường hợp người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm thực hiện công việc khán hộ tại gia đình theo Điều trước, cùng một người được chăm sóc giới hạn 1 người làm. Nhưng cùng một người được chăm sóc có những trường hợp sau đây, thì có thể tăng thêm 1 người làm:

- I. Sổ tay hoặc Giấy chứng nhận khuyết tật ghi là “người thực vật”.
- II. Đã được chẩn đoán chuyên nghiệp Y tế theo chỉ số Barthel là 0, và bệnh tật không thể cải thiện trong vòng 6 tháng.

Điều 24-1

Trong thời hạn Giấy phép thuê làm của người nước ngoài được thuê làm thực hiện công việc khán hộ tại gia đình, Cơ quan có thẩm quyền nhận định Chủ thuê vi phạm quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều 57 Luật này, thì Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương có thể yêu cầu Chủ thuê sắp xếp đưa người được chăm sóc đến Cơ sở Y tế được chỉ định để đánh giá chuyên nghiệp lại từ đầu theo thời hạn quy định.

Trường hợp Chủ thuê không thực hiện theo thời hạn đã được Cơ quan có thẩm

quyền cấp Trung ương thông báo, hoặc người được chăm sóc được đánh giá chuyên nghiệp là không phù hợp điều kiện tại mục 1 Điều 22 hoặc Điều trước, thì Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương phải hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ Giấy phép tuyển dụng và Giấy phép thuê làm của Chủ thuê theo quy định tại Điều 72 Luật này.

Chương VII-1: Công việc khán hộ bên ngoài

Điều 24-2

Trường hợp người nước ngoài được thuê làm thực hiện công việc khán hộ bên ngoài theo quy định tại khoản 5 Điều 3, thì Chủ thuê phải phù hợp các điều kiện sau đây:

- I. Tập đoàn Tài chính Pháp nhân, Tập đoàn Xã hội Pháp nhân phi lợi nhuận hoặc các đoàn thể khác hoạt động với mục đích công ích được thành lập hoặc đăng ký theo quy định pháp luật.
- II. Trường hợp từng được Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương ủy quyền thực hiện dịch vụ chăm sóc tại nhà trong vòng 1 năm gần đây nhất.

Người nước ngoài thực hiện công việc khán hộ bên ngoài, thì người được chăm sóc phải phù hợp một trong các quy định sau đây:

- I. Điều kiện tại mục 1 Điều 22.
- II. Trường hợp có lý do nghiêm trọng đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương công bố.

Điều 24-3

Chủ thuê tại mục 1 Điều trước, có thể đề xuất báo cáo Bản kế hoạch dịch vụ khán hộ bên ngoài theo thời hạn công bố của Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương và các hạng mục quy định.

Bản kế hoạch dịch vụ khán hộ bên ngoài tại mục trước, phải bao gồm những hạng mục sau đây:

- I. Giấy chứng nhận Chủ thuê phù hợp điều kiện.
- II. Quy hoạch liên quan đến cung cấp dịch vụ, hạng mục thu phí và số tiền, phạm vi Hợp đồng v.v...
- III. Bố trí nhân lực khán hộ, giám sát hướng dẫn và kế hoạch cơ chế giáo dục huấn luyện.
- IV. Các thông tin khác có liên quan dịch vụ khán hộ bên ngoài.

Trường hợp Bản kế hoạch dịch vụ khán hộ bên ngoài đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương hạch định, Chủ thuê phải thực hiện theo nội dung Bản kế hoạch đã được hạch định.

Số người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm thực hiện công việc khán hộ bên ngoài tại Điều trước, không được vượt quá số người khán hộ trong nước được Chủ thuê thuê làm.

Điều 24-4

Chủ thuê chỉ định khán hộ công trong nước và người nước ngoài thực hiện công việc khán hộ bên ngoài, thì phải gửi các văn bản sau đây trước ngày mùng 5 hàng tháng, để thông báo Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương cũng như địa phương kiểm tra đối chiếu:

I. Biên bản ghi chép bằng văn bản dịch vụ khán hộ bên ngoài của tháng trước và Giấy chứng nhận người được chăm sóc phù hợp điều kiện tại mục 1 Điều 22.

II. Bảng lịch trình chỉ định dịch vụ khán hộ bên ngoài trong tháng.

Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương có quyền kiểm tra đối chiếu điều kiện của người được chăm sóc; Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương phải kiểm tra đối chiếu đột xuất Chủ thuê hoặc thăm hỏi người được chăm sóc theo nội dung Bản kế hoạch đã được hạch định.

Chủ thuê có một trong các trường hợp sau đây, Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương phải hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ Giấy phép tuyển dụng hoặc Giấy phép thuê làm theo quy định tại Điều 72 Luật này:

- I. Trường hợp chỉ định người nước ngoài đến gia đình không phù hợp điều kiện người được chăm sóc theo quy định tại mục 2 Điều 24-2 để thực hiện công việc, đã được yêu cầu cải thiện theo thời hạn nhưng hết hạn mà vẫn không cải thiện.
- II. Trường hợp vi phạm Pháp lệnh có liên quan hoặc nội dung Bản kế hoạch dịch vụ khán hộ bên ngoài đã được hạch định, đã bị Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương nhận định có tình tiết nghiêm trọng.
- III. Trường hợp kinh doanh kém hoặc gây nguy hiểm lớn đối với lợi ích công cộng.

Chương VIII: Công tác phiên dịch song ngữ

Điều 25

Người nước ngoài được thuê làm thực hiện công tác phiên dịch song ngữ theo khoản 1 Điều 5, phải có trình độ tốt nghiệp PTTH trong và ngoài nước trở lên, và Chủ thuê phải là Cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân hành nghề nghiệp vụ môi giới lao động đa quốc gia.

Điều 26

Số người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm thực hiện công việc phiên dịch song ngữ tại Điều trước như sau:

- I. Giới hạn 1/5 số nhân viên của Cơ sở tại Điều trước.
- II. Tính theo số người nước ngoài được Cơ sở ủy quyền quản lý tại Điều trước, cứ 50 người cùng quốc gia, thì thuê 1 người phiên dịch.

Số người nước ngoài được thuê làm tại các khoản mục trước, tổng cộng không được vượt quá 16 người.

Việc tính số nhân viên của Cơ sở tại khoản 1 mục 1, phải lấy số người tham gia bảo hiểm lao động trong ngày đăng ký Giấy phép tuyển dụng làm chuẩn.

Chương IX: Đầu bếp nước ngoài và công việc có liên quan

Điều 27

Người nước ngoài được thuê làm thực hiện vai trò đầu bếp và công việc có liên quan tại khoản 2 Điều 5, thì Chủ thuê phải là Cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân hành nghề nghiệp vụ môi giới lao động đa quốc gia, và được ủy quyền quản lý thực hiện công việc theo quy định tại Tiêu chuẩn này mà người nước ngoài cùng một quốc gia đạt đến 100 người.

Điều 28

Số người nước ngoài được Chủ thuê thuê làm thực hiện vai trò đầu bếp hoặc công việc có liên quan tại Điều trước như sau:

- I. Trường hợp được ủy quyền quản lý trên 100 người đến dưới 200 người nước ngoài, thì được thuê 2 đầu bếp và 1 nhân viên công tác liên quan.
- II. Trường hợp được ủy quyền quản lý trên 200 người đến dưới 300 người nước ngoài, thì được thuê 3 đầu bếp và 2 nhân viên công tác liên quan.
- III. Trường hợp được ủy quyền quản lý trên 300 người nước ngoài, cứ tăng thêm 100 người nước ngoài, thì được thuê đầu bếp và nhân viên công tác liên quan, mỗi vai trò 01 người.

Trường hợp người nước ngoài được ủy quyền quản lý tại mục trước là người khác quốc tịch, thì sẽ tính riêng.

Chương X: Quy tắc kèm theo

Điều 29

Tiêu chuẩn này được thi hành từ ngày công bố.

Nội dung công bố sửa đổi ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Tiêu chuẩn này sẽ được thực thi kể từ ngày 09 tháng 10 năm 2015.